

UBND PHƯỜNG HÀ ĐÔNG BAN CHỈ ĐẠO TUYỂN SINH NĂM HỌC 2026-2027							ĐỀ XUẤT CHỈ TIÊU VÀ TUYỂN TUYỂN SINH CẤP MẦM NON NĂM HỌC 2026 - 2027																				Biểu 01_MN					
Loại hình	TT	Tên trường	T/số phòng học	Tổng số cán bộ, giáo viên				Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS cũ của NH 2025-2026 chuyển lên					Chỉ tiêu tuyển mới NH 2026-2027					Tổng số lớp NH 2026-2027			Tổng số học sinh NH 2026-2027					Đề xuất Tuyển tuyển sinh năm học 2026 - 2027 (Theo TDP)	
				Tổng số	CBQL	Giáo viên	Nhân viên	Số HS trong độ tuổi NT	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng công	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	T/số chỉ tiêu tuyển mới	T/số lớp	Số lớp NT	Số lớp MG	Tổng số trẻ	Trẻ NT	3T	4T	5T		
		<b>Tổng toàn phường</b>	474	1427	98	934	395	2670	2600	2823	3117	11210	514	1790	2474	3254	8032	1827	1263	1006	562	4658	439	101	338	12690	2341	3053	3480	3816		
		<b>Tổng công lập</b>	223	727	52	463	212	2670	2600	2823	3117	11210	20	1032	1660	2315	5027	1074	811	627	171	2683	222	41	181	7710	1094	1843	2287	2486		
		<b>Tổng tư thực</b>	251	700	46	471	183	0	0	0	0	0	494	758	814	939	3005	753	452	379	391	1975	217	60	157	4980	1247	1210	1193	1330		
CL	1	Mầm non Vạn Bảo	9	32	3	18	11	100	174	128	212	614	0	35	84	127	246	60	41	4	9	114	9	2	7	360	60	76	88	136	Tổ dân phố 7, 8, 9 Vạn Phúc	
CL	2	Mầm non Vạn Phúc	16	50	3	32	15	250	102	180	190	722	0	120	120	140	380	95	68	37	20	220	16	3	13	600	95	188	157	160	TDP Bạch Đằng; Chiến Thắng; Đoàn Kết; Độc Lập; Hạnh Phúc; Quyết Tiến; Hồng Phong	
CL	3	Mầm non Hoa Mai	17	53	3	34	16	105	162	89	87	443	0	42	130	234	406	54	108	76	16	254	17	2	15	660	54	150	206	250	TDP 6, 10 Vạn Phúc; TDP 5, 10 La Khê; TDP Văn Khê 1, 2, 3	
CL	4	Mầm non Hoa Hồng	13	42	3	27	12	86	89	101	108	384	0	45	62	72	179	65	25	8	3	101	13	4	9	280	65	70	70	75	TDP 7, 9, 10, 11, 13 Nguyễn Trãi	
CL	5	Mầm non 3-2	12	46	3	29	14	75	105	67	85	332	20	80	60	105	265	70	30	15	0	115	12	4	8	380	90	110	75	105	TDP 2, 6, 8, 14 Nguyễn Trãi.	
CL	6	Mầm non Nguyễn Trãi	5	14	1	9	4	43	58	35	89	225	0	18	27	30	75	20	22	3	0	45	5	1	4	120	20	40	30	30	TDP 1, 3, 4 Nguyễn Trãi	
CL	7	Mầm non Yết Kiêu	10	35	3	21	11	82	76	72	99	329	0	43	49	84	176	60	27	11	6	104	10	3	7	280	60	70	60	90	TDP 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Yết Kiêu	
CL	8	Mầm non Quang Trung	17	55	3	39	13	125	100	207	223	655	0	60	100	150	310	95	50	25	6	176	16	4	12	486	95	110	125	156	TDP 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 Quang Trung	
CL	9	Mầm non Hà Cầu	12	39	3	24	12	104	137	183	177	601	0	60	90	135	285	60	54	24	17	155	12	2	10	440	60	114	114	152	TDP Cầu Đơ 1, 3, 4, 5; Chung cư Phú Thịnh.	
CL	10	Mầm non Hà Trì	16	50	3	33	14	108	208	174	179	669	0	70	73	113	256	90	69	43	6	208	16	3	13	464	90	139	116	119	TDP Hà Trì 1,2,3,4,5, TDP 1 Tô Hiệu, Chung cư Hyundai	
CL	11	Mầm non Ngô Thị Nhậm	20	65	3	44	18	127	198	300	350	975	0	90	170	240	500	90	65	80	5	240	20	3	17	740	90	155	250	245	TDP 1. 2. 3. 4. 5 Ngô Thị Nhậm; TDP 2, 3, 4 Quang Trung	
CL	12	Mầm non Búp Sen Hồng	9	30	3	19	8	112	137	149	131	529	0	40	60	82	182	35	35	38	10	118	9	1	8	300	35	75	98	92	TDP 8, 9, 10, 11 Mộ Lao	
CL	13	Mầm non Hoà My	9	34	3	20	11	162	136	192	188	678	0	65	85	102	252	30	5	10	3	48	9	1	8	300	30	70	95	105	TDP 1, 2, 3, 4, 13, 14 Mộ Lao	
CL	14	Mầm non Mỗ Lao	10	38	3	21	14	142	118	178	154	592	0	29	77	151	257	25	27	48	3	103	10	1	9	360	25	56	125	154	TDP 5, 6, 7, 15, 16 Mộ Lao	
CL	15	Mầm non Hoa Sen	12	34	3	24	7	130	147	152	232	661	0	80	188	170	438	60	30	75	7	172	12	2	10	610	60	110	263	177	TDP 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Văn Quán	
CL	16	Mầm non Ánh Dương	13	42	3	26	13	538	293	299	288	1418	0	60	115	145	320	70	45	30	35	180	13	2	11	500	70	105	145	180	TDP 10, 11, 12, 17, 18, 19, 20 Phúc La	
CL	17	Mầm non Sơn Ca	13	39	3	25	11	313	215	145	190	863	0	60	80	135	275	60	35	55	5	155	13	2	11	430	60	95	135	140	Tổ 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, 13, 14, 15, 16 Phúc La, TDP Yên Phúc; TDP 5 Tân Triều; TDP 6	
CL	18	Mầm non Văn Khê	10	29	3	18	8	68	145	172	135	520	0	35	90	100	225	35	75	45	20	175	10	1	9	400	35	110	135	120	TDP 1, 2, 3, 4, 6, 9 La Khê	
TT	19	Mầm non TT Vườn trẻ thơ	16	32	2	26	4						8	34	46	63	151	22	26	14	12	74	11	2	9	225	30	60	60	75	Trong và ngoài phường	
TT	20	Mầm non TT Tuổi thơ Hạnh Phúc - Happytime	7	18	2	13	3						18	15	12	15	60	15	7	5	4	31	5	2	3	91	33	22	17	19	Trong và ngoài phường	
TT	21	Mầm non TT Việt Mỹ	15	23	2	15	6						12	25	21	34	92	30	10	10	10	60	9	3	6	152	42	35	31	44	Trong và ngoài phường	
TT	22	Mầm non TT Sao Khuê	14	41	2	28	11						61	78	105	99	343	60	80	80	105	325	14	2	12	668	121	158	185	204	Trong và ngoài phường	
TT	23	Mầm non Năng Tiên Cá	5	16	2	10	4						10	17	13	18	58	23	3	7	4	37	5	2	3	95	33	20	20	22	Trong và ngoài phường	
TT	24	Mầm non TT Ban Mai	16	73	3	36	34						0	56	71	137	264	61	62	29	58	210	16	2	14	474	61	118	100	195	Trong và ngoài phường	
TT	25	Mầm non TT Thăng Long	10	19	1	12	6						10	6	9	12	37	30	20	15	10	75	8	3	5	112	40	26	24	22	Trong và ngoài phường	
TT	26	Mầm non Hoa Phượng Đỏ	0	0	0	0	0						0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Giải thể
TT	27	Mầm non TT IQ	10	33	3	21	9						0	43	42	54	139	30	20	20	20	90	9	1	8	229	30	63	62	74	Trong và ngoài phường	
TT	28	Mầm non TT Thái Học	5	13	1	10	2						15	18	9	13	55	16	2	7	0	25	5	2	3	80	31	20	16	13	Trong và ngoài phường	
TT	29	Mầm non TT Tuổi Thần Tiên	6	18	3	12	3						17	32	23	20	92	20	17	5	5	47	6	2	4	139	37	49	28	25	Trong và ngoài phường	
TT	30	Mầm non TT Thần Đồng	5	10	1	8	1						18	15	15	16	64	10	2	3	2	17	5	2	3	81	28	17	18	18	Trong và ngoài phường	
TT	31	Mầm non TT Mùa Xuân	20	58	3	43	12						111	86	104	0	301	40	34	16	15	105	20	4	16	406	151	120	120	15	Trong và ngoài phường	
TT	32	Mầm non TT Hà Nội - Thăng Long	13	41	3	29	9						14	35	41	77	167	36	25	19	3	83	13	3	10	250	50	60	60	80	Trong và ngoài phường	
TT	33	Mầm non TT Thực Nghiệm Victory	19	53	3	38	12						27	37	36	67	167	28	26	39	40	133	13	2	11	300	55	63	75	107	Trong và ngoài phường	
TT	34	Mầm non TT Năng Xanh	10	18	2	12	4						10	17	22	23	72	20	0	0	0	20	5	2	3	92	30	17	22	23	Trong và ngoài phường	
TT	35	Mầm non TT Việt Hàn Montessori	12	21	1	15	5						24	29	14	39	106	30	20	5	5	60	9	3	6	166	54	49	19	44	Trong và ngoài phường	
TT	36	Mầm non Việt Nhật	15	45	2	31	12						17	30	36	63	146	37	42	36	60	175	14	3	11	321	54	72	72	123	Trong và ngoài phường	
TT	37	Mầm non TT Steame Hà Nội	9	25	2	15	8						12	35	33	26	106	48	5	12	14	79	9	3	6	185	60	40	45	40	Trong và ngoài phường	
TT	38	Mầm non TT Những Em Bé Máu Máu	5	21	1	12	8						8	18	20	15	61	30	5	5	10	50	5	2	3	111	38	23	25	25	Trong và ngoài phường	
TT	39	Mầm non TT Việt Úc Plus	16	51	3	39	9						51	45	61	56	213	45	25	12	4	86	16	7	9	299	96	70	73	60	Trong và ngoài phường	
TT	40	Mầm non TT Đức Trí	6	22	2	14	6						12	26	33	30	101	32	0	11	0	43	6	2	4	144	44	26	44	30	Trong và ngoài phường	
TT	41	Mầm non TT Hoa Anh Đào Montessori	17	49	2	32	15						39	61	48																	

Loại hình	TT	TRƯỜNG	Phòng học Hiện có			Tổng số cán bộ, giáo viên hiện có			Số lớp và học sinh hiện có năm học 2025-2026						Số lớp, số học sinh năm học 2026 - 2027						Đề xuất tuyển sinh năm học 2026-2027 (Theo Tổ dân phố)		
			Tổng số phòng học	Trong đó số phòng học được xây mới	Phòng học lớp 1	Tổng số	Chia ra			Tổng số lớp	Tổng số HS	Trong đó				Tổng số lớp	Tổng số HS	Trong đó số lớp, học sinh lớp 1					
							Lãnh đạo	Giáo viên	Nhân viên			Lớp 1		Lớp 5				Số học sinh điều tra phổ cập theo tuyển sinh	Chi tiêu đề nghị tuyển mới lớp 1				
												Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh				Tổng số	Thường trú, cư trú		Cư trú	Số lớp
Có xác thực của Công an phường	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh															
		<b>Tổng toàn phường</b>	<b>676</b>	<b>2</b>	<b>135</b>	<b>1335</b>	<b>59</b>	<b>1009</b>	<b>264</b>	<b>621</b>	<b>26097</b>	<b>131</b>	<b>5651</b>	<b>131</b>	<b>5453</b>	<b>627</b>	<b>26342</b>	<b>5877</b>	<b>3460</b>	<b>1453</b>	<b>137</b>	<b>5698</b>	
		<b>Tổng công lập</b>	<b>479</b>	<b>0</b>	<b>95</b>	<b>784</b>	<b>38</b>	<b>672</b>	<b>74</b>	<b>464</b>	<b>21972</b>	<b>94</b>	<b>4615</b>	<b>97</b>	<b>4662</b>	<b>462</b>	<b>21739</b>	<b>4913</b>	<b>3460</b>	<b>1453</b>	<b>95</b>	<b>4429</b>	
		<b>Tổng tư thực</b>	<b>197</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>551</b>	<b>21</b>	<b>337</b>	<b>190</b>	<b>157</b>	<b>4125</b>	<b>37</b>	<b>1036</b>	<b>34</b>	<b>791</b>	<b>165</b>	<b>4603</b>	<b>964</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>42</b>	<b>1269</b>	
CL	1	Tiểu học Đoàn Kết	37	0	7	64	3	54	7	37	1903	8	439	7	345	37	1916	429	299	130	7	358	TDP 7, 12, 13, 14, 15, 16 Quang Trung; TDP 3, 4, 5 Ngô Thi Nhậm
CL	2	Tiểu học Trần Đăng Ninh	36	0	7	56	3	47	6	32	1576	6	309	7	356	32	1525	312	212	100	7	305	TDP 2, 3, 4, 8, 9, 10, 11 Quang Trung; TDP 1, 2, 3, 4 Ngô Thi Nhậm;
CL	3	Tiểu học Nguyễn Trãi	39	0	8	60	3	53	4	38	2077	8	449	7	384	39	2093	520	400	120	8	400	TDP 1, 2, 3, 4, 9, 10, 11 Nguyễn Trãi
CL	4	Tiểu học Yết Kiêu	20	0	4	35	2	30	3	20	672	4	112	5	180	19	637	205	145	60	4	145	TDP 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Yết Kiêu; TDP 2 Quang Trung
CL	5	Tiểu học Lê Hồng Phong	26	0	5	41	3	32	6	25	1044	5	224	5	246	25	1048	294	171	123	5	250	TDP 6, 7, 8, 13, 14 Nguyễn Trãi; TDP Cầu Đor 1, 3, 4, 5; TDP 1 Tô Hiệu, chung cư Phú Thịnh
CL	6	Tiểu học Lê Lợi	39	0	8	69	3	59	7	39	2036	8	434	8	454	38	1930	468	298	170	7	348	TDP Hà Tri 1, 2, 3, 4, 5; Chung cư Hyundai
CL	7	Tiểu học Nguyễn Du	46	0	10	82	3	72	7	46	2276	9	465	10	500	46	2276	527	389	138	10	500	TDP 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Văn Quán; TDP 14; 15; 16 Phúc La; Tổ 5 Tân Triều; TDP 6
CL	8	Tiểu học Văn Yên	56	0	11	92	3	81	8	56	2900	11	607	12	624	56	2865	620	502	118	12	589	TDP Yên Phúc; TDP 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 17, 18, 19, 20 Phúc La
CL	9	Tiểu học Trần Phú	36	0	7	60	3	51	6	36	1612	7	336	8	344	36	1668	484	310	174	8	400	TDP 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16 Mộ Lao
CL	10	Tiểu học Văn Khê	35	0	7	57	3	48	6	35	1643	7	343	7	352	35	1576	285	247	38	7	285	TDP số 1; 2; 3; 4; 6 La Khê
CL	11	Tiểu học La Khê	35	0	7	61	3	53	5	35	1725	7	373	6	320	35	1717	392	250	142	6	312	Tổ dân phố 5, 9, 10 La Khê, TDP Văn Khê 1, 2, 3
CL	12	Tiểu học Vạn Phúc	34	0	6	47	3	40	4	28	1269	6	257	6	269	28	1277	377	237	140	6	277	TDP: Bạch Đằng, Chiến Thắng, Đoàn Kết, Độc Lập, Hạnh Phúc, Hồng Phong, Quyết Tiến, TDP 6, 7, 8, 9, 10 Vạn Phúc
CL	13	Tiểu học Vạn Bảo	40	0	8	60	3	52	5	37	1239	8	267	9	288	36	1211	0			8	260	Trong và ngoài phường
TT	14	Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông True North	16	0	2	23	2	13	8	6	90	2	25	1	19	7	111	40			2	40	Trong và ngoài phường
TT	15	Tiểu học Ban Mai	51	0	8	158	3	76	76	43	1125	8	257	10	217	43	1226	318			10	318	Trong và ngoài phường
TT	16	Tiểu học Chu Văn An	14	0	4	36	2	24	10		135	2	64	3	71	1	192	128			4	128	Trong và ngoài phường
TT	17	Tiểu học IQ	18	2	5	47	2	42	3	18	358	5	111	3	55	20	428				5	125	Trong và ngoài phường
TT	18	Tiểu học Thực nghiệm Victory	30	0	7	62	3	58	1	28	685	6	157	5	122	30	773	210			7	210	Trong và ngoài phường
TT	19	TH, THCS và THPT Quốc tế Nhật Bản	30	0	6	134	3	51	80	24	535	6	141	4	75	26	640				6	180	Trong và ngoài phường
TT	20	Tiểu học & THCS Hà Nội - Thăng Long	38	0	8	91	6	73	12	38	1197	8	281	8	232	38	1233	268			8	268	Trong và ngoài phường

Loại hình	TT	TRƯỜNG	Cơ sở vật chất			Tổng số cán bộ, giáo viên hiện có			Số lớp và học sinh hiện có năm học 2025-2026						Số lớp, số học sinh năm học 2026 - 2027						Tỷ lệ HS trên lớp				
			T/số phòng học hiện có	Trong đó số phòng học xây mới	Phòng học lớp 6 (dự kiến)	Tổng số	Chia ra			Tổng số lớp	T/số HS	Trong đó				Tổng số lớp	Tổng số HS	Trong đó số lớp, học sinh lớp 6							
							Lãnh đạo	Giáo viên	Nhân viên			Lớp 6		Lớp 9				Số học sinh điều tra phổ cập theo tuyển tuyển sinh		Chỉ tiêu đề nghị tuyển mới lớp 6					
												Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh			Tổng số	Thường trú thực địa phường	Trú cư có xác của Công an phường	Chưa xác của Công an phường	Trú cư có thực địa phường	Số lớp	Số học sinh	
		<b>Tổng toàn phường</b>	<b>436</b>	<b>36</b>	<b>107</b>	<b>913</b>	<b>39</b>	<b>719</b>	<b>165</b>	<b>432</b>	<b>18476</b>	<b>109</b>	<b>4705</b>	<b>97</b>	<b>4075</b>	<b>456</b>	<b>19635</b>	<b>5289</b>	<b>3450</b>	<b>1679</b>	<b>121</b>	<b>5234</b>	<b>43,06</b>	<b>43,26</b>	
		<b>Tổng công lập</b>	<b>325</b>	<b>0</b>	<b>86</b>	<b>648</b>	<b>26</b>	<b>577</b>	<b>55</b>	<b>385</b>	<b>17287</b>	<b>95</b>	<b>4371</b>	<b>87</b>	<b>3847</b>	<b>401</b>	<b>18078</b>	<b>5129</b>	<b>3450</b>	<b>1679</b>	<b>103</b>	<b>4638</b>	<b>45,08</b>	<b>45,03</b>	
		<b>Tổng tư thực</b>	<b>111</b>	<b>36</b>	<b>21</b>	<b>265</b>	<b>13</b>	<b>142</b>	<b>110</b>	<b>47</b>	<b>1189</b>	<b>14</b>	<b>334</b>	<b>10</b>	<b>228</b>	<b>55</b>	<b>1557</b>	<b>160</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>596</b>	<b>28,31</b>	<b>33,11</b>	
CL	1	THCS Hà Đông	45	0	11	61	3	53	5	38	1714	11	495	4	183	45	2026	542	300	242	11	495	TDP 1 Tô Hiệu; Tòa nhà hỗn hợp Đài phát thanh truyền hình Hà Nội (Chung cư Phú Thịnh)	45,0	45,0
CL	2	THCS Lê Hồng Phong	19	0	0	59	3	51	5	28	1240	7	318	7	310	29	1290	453	328	125	8	360	TDP Cầu Đơ 1, 3, 4, 5; TDP Hà Trì 1, 2, 3, 4, 5; Chung cư Huyndai, TDP 8 Quang Trung	44,4	45
CL	3	THCS Mỗ Lao	36	0	10	68	3	69	5	34	1490	8	350	8	351	36	1589	526	381	145	10	450	TDP 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16 Mỗ Lao.	44,1	45,0
CL	4	THCS Nguyễn Trãi	49	0	11	82	3	72	7	47	2242	10	501	12	546	46	2191	549	346	203	11	495	TDP 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14 Nguyễn Trãi	47,6	45,0
CL	5	THCS Trần Đăng Ninh	45	0	12	83	3	72	8	43	1970	11	509	10	446	45	2064	596	405	191	12	540	TDP 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 Quang Trung, TDP 1, 2, 3, 4, 5 Ngô Thị Nhâm.	45,9	45
CL	6	THCS Văn Khê	25	0	10	77	3	69	5	49	2233	12	599	12	532	48	2229	604	432	172	11	528	TDP 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 10 La Khê; TDP Văn Khê 1, 2, 3	46,4	48
CL	7	THCS Vạn Phúc	14	0	4	28	2	21	5	13	561	3	129	3	122	14	619	261	175	86	4	180	TDP: Đoàn Kết, Chiến Thắng, Hạnh Phúc, Độc Lập, Hồng Phong, Bạch Đằng, Quyết Tiến; TDP 6, 7, 8, 9, 10 Vạn Phúc; TDP 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Yết Kiêu	43,2	43
CL	8	THCS Văn Quán	39	0	10	71	3	62	6	39	1710	9	384	10	442	39	1718	650	522	128	10	450	TDP 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Văn Quán; TDP số 5 Tân Triều, TDP 6	44,4	45
CL	9	THCS Văn Yên	53	0	18	119	3	108	9	63	2893	17	800	13	595	68	3148	948	561	387	18	850	TDP 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 Phúc La; TDP Yên Phúc	49,5	49,5
CL	10	THCS Lê Lợi	44	4	8	81	3	68	10	31	1234	7	286	8	320	31	1204				8	290	Trong và ngoài phường	39,68	36,25
TT	11	Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông True North	16	0	2	25	2	16	7	4	75	1	25	1	9	5	106	40			2	40	Trong và ngoài phường	15,0	20,0
TT	12	THCS New School	36	36	5	24	3	15	6	1	15	1	15	0	0	4	105				3	90	Trong và ngoài phường	<b>27,50</b>	<b>30,00</b>
TT	13	THCS Thực nghiệm Victory	13	0	4	36	2	29	5	12	287	3	61	3	68	13	339	120			4	120	Trong và ngoài phường	27,6	30
TT	14	TH, THCS và THPT Quốc tế Nhật Bản	30		6	122	3	39	80	14	256	5	91	2	24	17	432				5	200	Trong và ngoài phường	25,41	40
TT	15	Tiểu học & THCS Hà Nội - Thăng Long	16	0	4	58	3	43	12	16	556	4	142	4	127	16	575				4	146	Trong và ngoài phường	35	36